TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 279/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 01 – 7 – 2026
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sol

Ông Ong Văn Đủ

-*Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

Ngày 01 tháng 7 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M - Sinh năm 1994 (Có mặt).

Cư trú: Khóm 1, phường T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Nhật P - Sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp Đ, xã H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà Lê Thị M (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông P kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/6/2012 tại UBND phường Tân Thành, thành phố Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cự cãi. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên Phạm Lê Quỳnh A, sinh ngày 21/12/2012. Hiện nay cháu A đang sống chung với bà M. Sau khi ly hôn bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu A, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà Lê Thị M xác định trong thời gian chung sống không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Lê Thị M xác định trong thời gian chung sống bà và ông P không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng ông bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Phạm Nhật P, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của bà M nhưng ông P không có ý kiến. Tòa án thông báo để ông P tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông P vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa ông, bà được.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Phạm Nhật P tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông P vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Bà M và ông P kết hôn vào ngày 11/6/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Thành, thành phố Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà M và ông P được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà M xin được ly hôn với ông P, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử ông P không có ý kiến bằng văn bản hay trực tiếp tranh tụng tại Tòa án để thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của bà M, cũng như tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà M và ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của bà M, cho bà M được ly hôn với ông P là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà Lê Thị M xác định trong thời gian chung sống bà và ông P có 01 con chung tên Phạm Lê Quỳnh A, sinh ngày 21/12/2012. Hiện nay cháu A đang sống chung với bà M. Sau khi ly hôn bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu A, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2026 thì cháu A có nguyện vọng sống chung với chị M. Đồng thời từ khi bà M và ông P ly thân thì cháu A sống chung với bà M sức khỏe cũng đã ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Phạm Lê Quỳnh A, sinh ngày 21/12/2012 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị M xác định trong thời gian chung sống bà và ông P không có tài sản chung, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà Lê Thị M xác định trong thời gian chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng ông bà, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ông P vắng mặt không có ý kiến về con chung, tài sản và nợ chung nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị M phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị M được ly hôn với ông Phạm Nhật P.

Về con chung: Giao cho bà Lê Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Phạm Lê Quỳnh A, sinh ngày 21/12/2012. Ông Phạm Nhật P không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Lê Thị M có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004864 ngày 21 – 4 – 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, sau khi đối trừ bà M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Phạm Nhật P không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai bà Lê Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phạm Nhật P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 4 – tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Kiệt